

# Phật Giáo và người Hy Lạp

## 1. Vua Hy-Lạp A-Lịch-Son Đại-Đế Chinh phục Ấn-Độ

Mùa Thu năm 334 trước Tây Lịch (TTL), vua A-Lịch-Son Đại-Đế (Alexander the Great) của nước Hy-Lạp bắt đầu cuộc chinh phạt Đông tiến. Nhà vua thấy nhà hiền triết Aristotle - cũng là ông thầy dạy học mình - nói về Ấn-Độ như là một dải đất mênh mông xa lút mù tấp tận chân trời, nên cảm thấy hứng thú phải đi chiếm lấy và để đem nền văn minh Hy-Lạp reo rắc cho các dân bản xứ.

**A- Lịch-Son nổi ngôi vua cha là vua Phillip II, vua xứ Macedonia** (1), Hy-Lạp, khi đó đã tóm thâu các nước xung quanh, kể cả nước Ba Tư (Persia) mà làm nên một đế quốc rộng lớn. Vua Phillip II vẫn chưa hài lòng với đế quốc của mình, theo truyền thuyết, đã bảo con Alexander là : *"Con à ! Chắc con phải thấy nước ta chưa đủ lớn cho hoài bão của con. Nước Macedonia quá nhỏ đối với con."*

Hưởng thụ một bộ máy chiến tranh vô địch của vua cha, A-Lịch-Son cầm đầu một đội quân sáu chục ngàn người, chưa kể một số tư tưởng gia, khoa học gia luôn luôn đi theo vua A Lịch Sơn, Đông tiến, chinh phục Ấn-Độ. Đoàn quân tiến hành rất chậm. A-Lịch-Son đã mất 7 năm mới tới sông Ấn Hà (Indus).

Trước đó, đoàn quân đã vượt qua A-Phú-Hân (Afghanistan), đến miền Ngũ Hà, tức là Punjab của Pakistan ngày nay. Sau khi vượt qua một con sông lớn, họ đã tới Taxila, một thị trấn sầm uất có nhiều thương gia đi qua trên con đường Tơ Lụa. Ở Taxila, A-Lịch-Son đã trông thấy nhiều nhà tu hành và những đệ tử của họ, sống một cuộc đời khổ hạnh, gần như trần trụi, chỉ quan tâm đến đời sống tinh thần hơn là những tiện nghi vật chất bên ngoài. Họ là những người Bà La Môn hay theo đạo Kỳ Na Giáo hay là Jainism Ấn-Độ.

Vua A-Lịch-Son rất chú ý đến những người này, khi thấy họ có một sức chịu đựng mãnh liệt, tự kiểm soát được mình không bị ảnh hưởng ngoại lai xô đẩy. Vì muốn có một tu sĩ như thế trong đoàn quân viễn chinh của mình, vua A-Lịch-Son cùng quần thần là những tư tưởng gia Hy-Lạp liền mời một nhà sư đến nói chuyện. Ông này, theo sử sách Hy-Lạp, tên là Dandamos, đến nhưng không chịu trả

lời những câu hỏi của triều đình Hy-Lạp.

Sau cùng ông hỏi lại : *"Tại sao Ngài đã phải đến đây từ quá xa vậy ? Tôi cũng có nhiều đất đai như Ngài và như những người khác. Dù ngài có chiếm giữ được tất cả sông ngòi, Ngài cũng không thể uống nước nhiều hơn tôi. Bởi vậy, tôi không sợ hãi, tôi không bị thương tích, tôi không đi phá hủy những thị trấn. Tôi cũng có đất đai, nước uống như Ngài. Tôi có đầy đủ tất cả. Thưa Ngài ! Ngài hãy học điều hiểu biết khôn ngoan này của tôi. Đó là : đừng có mong cầu điều gì và Ngài sẽ có đầy đủ mọi chuyện."*

A-Lịch-Son để ngoài tai lời khuyên đó. Đoàn quân viễn chinh của A-Lịch-Son vẫn tiếp tục sứ mạng chinh phục. Một năm sau, khi tới con sông Beas của vùng Punjab, Pakistan, đoàn quân này đã phải ngưng lại, rồi phải rút lui, không phải bị ai đánh bại, mà chỉ vì quân đội bắt đầu chán chường mỗi mệt. Mười tám tháng sau, A-Lịch-Son đưa quân về đến Babylon, thuộc Mesopotamia, bây giờ là Irák, thì ngã bệnh mà qua đời. Khi ấy ông mới 32 tuổi, chưa kịp thấy Ấn-Độ là thế nào. Ông để lại một triều đình Hy-Lạp bắt đầu tan rã.

## 2. Sứ Thần Megasthenes của vua Hy-Lạp tại triều đình Mauryan

Trong khi ấy, bên Ấn-Độ, năm 324 trước Tây lịch, tại tiểu bang Magadha, phía nam của bộ tộc Shakya (Thích Ca) của Đức Phật, bây giờ là Nepal, một tướng lãnh của bộ tộc Mauryan, tên là Chandragupta, nổi lên cướp ngôi vua lập ra triều đại Mauryan, đóng đô tại Pataliputa (Hoa Thi). Đây là một triều đại lớn của Ấn-Độ kéo dài 137 năm.

Công việc đầu tiên của vua Chandragupta là đuổi nốt tàn quân của A-Lịch-Son đi, giữ gìn biên giới phía Tây tới con sông Indus, ngăn chặn ngoại xâm, kể đến là dẹp loạn trong nước. Triều đình Hy-Lạp không thể dùng võ lực xâm chiếm Ấn-Độ như trước nữa, đã phải gửi một sứ giả ngoại giao đến vua Chandragupta. Ông này tên là Megasthenes sống trên 10 năm tại Ấn-Độ, trước khi mãn nhiệm kỳ. Về nước, ông viết một cuốn hồi ký tên là "Indika" kể lại xứ sở Ấn-Độ, triều đình vua Chandragupta, cùng là những nhà hiền triết Ấn Độ.

Mặc dầu ông đã sống trên 10 năm tại đây, chỉ ít lâu sau Đức Phật Thích Ca nhập diệt, Megasthenes trong sách Indika không đề cập gì đến Phật giáo, bởi lẽ những nhà hiền triết ông gặp đều là những người Bà La Môn, cũng như là chính vua Chandragupta. Hơn nữa đạo Phật khi đó đã chưa lan tràn ngay trên lục địa Ấn-Độ, mà vẫn chỉ loanh quanh vùng đất gần Nepal.

Phải chờ đến năm 273 trước Tây Lịch, khi cháu nội của vua Chandragupta là vua A-Dục (Ashoka) lên nối ngôi, thay thế vua cha Bindusara, con của Chandragupta, Phật giáo mới có cơ hội bành trướng ra khắp mọi nơi, đặc biệt đến những nơi có người Hy-Lạp sinh sống.

Kể từ đây chúng ta thấy đã có nhiều người Tây phương theo đạo Phật. Trong số này có một ông vua người gốc Hy-Lạp là một Phật tử thuần thành, sau đó đã xuống tóc đi tu, đắc chứng quả A La Hán.

Vua A-Dục là một hoàng đế hăng say chiến tranh để mở mang thêm bờ cõi vương quốc Mauryan. Vào năm thứ tám sau khi lên ngôi, ông gửi quân xâm lăng đến vương quốc nhỏ Kalinga, chưa chịu thần phục. Ông đã chiến thắng. Đây là một trận chiến tranh tàn khốc trong đó 100,000 người bị tàn sát, 150,000 người bắt làm tù binh và số người bị liên lụy còn đông rất nhiều lần như thế. Sau khi nghe được tình trạng tổn thất nặng nề do đạo binh của mình gây ra, vua A-Dục cảm thấy ăn năn hối hận vì đã làm một tội ác ngập trời. Ông trở nên một Phật Tử, dành cuộc đời con lại tận lực gia công hoàng dương Phật Pháp ngay tại trong nước cũng như ra ngoài xứ Ấn-Độ.

Sau khi trị vì ngôi báu được 36 năm, vua A-Dục già yếu lơ là việc triều chính. Ông đã băng hà năm 231 trước Tây lịch để lại một vương quốc bắt đầu suy tàn. Những lời giáo huấn của Đức Phật như cấm sát sanh, không gây hấn, giải quyết mọi chuyện bằng đường lối hòa bình, được vua A-Dục ban ra, là những đường lối chánh trị đường như làm cho nhóm quân đội trong triều mỗi ngày một yếu thế, mất quyền lực. Bốn mươi hai năm sau vua A-Dục băng hà, vị tướng lãnh cầm đầu quân đội vương quốc, ông Pushyamitra, nổi lên, ám sát chết nhà vua đương thời, đưa vương quốc Mauryan vào một cuộc khủng hoảng, rối loạn. Pushyamitra theo đạo Bà La môn

cũng như Chandragupta, thay đổi chính sách, gây ra nhiều mâu thuẫn trong nước, khiến Pushyamitra phải đánh đông dẹp bắc, để biên thù ngõ cửa cho quân ngoại xâm.

### 3. Vua Hy-Lạp Demetrius và vua Hy-Lạp Menander

Quân ngoại xâm đến là từ ông vua người gốc Hy-Lạp, **Demetrius**, đang trị vì một vương quốc tại Bactria (*Đại Hạ*), bây giờ là A-Phú-Hãn. Demetrius thấy đây là cơ hội ngàn năm một thừa để thực hiện hoài bão bất thành của hoàng đế Hy-Lạp A-Lịch-Son Đại-Đế.

Năm 182 trước Tây Lịch, Demetrius đem quân vào Ấn-Độ, chiếm được Taxila rồi Gandhara, bây giờ là Pakistan. Chinh đốn xong hàng ngũ, vua Demetrius cùng bộ tướng Menander đem quân Đông tiến tràn vào Ấn-Độ.

Menander - sau này Phật Giáo Nam Tông tiếng Pali gọi ông là Milinda và Hán tạng dịch là Di Lan Đà - là người Hy-Lạp đầu tiên đã qua được sông Beas, nơi mà A-Lịch-Son Đại-Đế đã phải dừng chân, không thể qua sông mà rút quân về. Menander đã nhanh chóng tiến vào vương quốc Mauryan, chiếm được thủ đô Patiluputra (*Hoa Thị*) của vua A-Dục ngày xưa.

Đến đây thì, quân viễn chinh Hy-Lạp đã không còn được may mắn nữa.

*Thời lai đồ diếu thành công dị*

*Vận khứ anh hùng ảm hận đa.*

Tin tức từ quê nhà đưa đến bản doanh của Demetrius là thủ đô Bactria (*Đại Hạ*) có chính biến do Eucratidès cầm đầu. Nhà Vua ủy thác cho Menander về đóng giữ vùng Ngũ Hà, còn mình thì trực chỉ về Đại Hạ để dẹp nội loạn. Nhưng khi đến gần thủ đô thì vua Demetrius bị Eucratidès phục kích giết chết. Bấy giờ là năm 167 trước Tây lịch. Từ đó, Vương quốc Đại Hạ tách ra làm hai : Vương quốc miền Tây do Eucratidès cai trị, và vương quốc miền Đông do Apollodots I (*em ruột Démétrios*) cai trị. Đến năm 163 trước Tây lịch, Apollodotes I bị Eucratidès tiến đánh và giết chết luôn, Menander lên kế vị và dời đô từ Taxila về Sagala (*Xá Kiệt*) ở chân núi Hy Mã Lạp Sơn, giữa Udiyama, bây giờ là thung lũng Swat Valley, Pakistan và Sialkot thuộc Punjab (*Ngũ Hà*).

Sử sách Hy-Lạp không nói nhiều về ông vua Hy-Lạp Menander này, có lẽ bởi vì tuy ông giòng dõi Hy-

Lạp - cha là người Hy-Lạp, mẹ là người Trung Á (*Middle East*) - nhưng sinh sống và trưởng thành tại A-Phú-Hãn. Ông chưa bao giờ về Hy-Lạp.

Tại Sagala, vua Menander đã dành cuộc đời còn lại nghiên cứu Phật Pháp. Sử sách Phật giáo Nam Tông bằng tiếng Pali mô tả Menander là một ông tướng Hy-Lạp tài ba, một nhà lãnh tụ chính trị sáng suốt và là một Phật Tử Hy-Lạp thuần thành. Cuộc đời hành đạo của vua Menander xảy ra thế nào, không ai biết rõ. Sử sách Pali Phật giáo Nam Tông cho rằng Menander đã đạt chứng quả A La Hán.

Vua Menander - hay là Milinda theo sử sách Phật Giáo Nguyên Thủy viết bằng tiếng Pali, hay là Di Lan Đà theo Hán tạng đã có một cuộc tham vấn Phật học với một nhà sư đắc đạo theo truyền thống Nguyên Thủy tên là Nagasena, dịch sang tiếng Việt là Tỳ Kheo Na Tiên.

### 4. Cuộc đối thoại giữa vua Di Lan Đà và Tỳ Kheo Na Tiên

Cuộc tham vấn này đã được ghi chép lại để trở thành một bản kinh rất nổi tiếng trong giáo lý Nguyên Thủy. Bản kinh tiếng Pali gọi là "*Milindapanhà*" : Milinda là tên vua Menander, hay Di Lan Đà ; Milindapanhà là hỏi, *Minlindapanhà* là vua Di Lan Đà hỏi. Bản Kinh chữ Hán gọi là "*Na Tiên Tỳ Kheo Kinh*". Hai bản Pali và Hán tạng có đôi chút khác biệt nhưng cơ bản thì như nhau. Ngài Hòa Thượng Thích Trí Thủ (2) đã giới thiệu bộ Kinh này như sau :

*"Na Tiên Tỳ Kheo Kinh là một bộ Kinh phản ảnh đầy đủ những đường nét chính của Giáo lý Nguyên Thủy. Nhưng nếu chỉ có thể thời thì Kinh này chỉ là một bản trùng tuyên vô vị, không đáng được có một địa vị Tam Tạng Thánh Giáo."*

*Đặc sắc của Kinh này dĩ nhiên không phải ở chỗ trùng tuyên vô bổ ấy. Đặc sắc của nó là chính ở những ví dụ rất khéo lý và khéo cơ mà Ngài Na Tiên đã khéo sử dụng để làm sáng tỏ các chủ điểm giáo lý căn bản của Phật Giáo Nguyên Thủy. Các ví dụ rất linh động ấy là hoàn toàn do Ngài sáng chế để đóng góp vào chánh pháp và thúc đẩy bánh xe Chánh Pháp chuyển mau thêm."*

Tiểu sử của Ngài Na Tiên, căn cứ vào phần một của Na Tiên Tỳ Kheo Kinh, hoặc quyển I của Milindapanhà, đại khái như sau :

Ngài sanh tại làng Casangala (*có nơi viết là Kajangala*), dưới chân núi Hy Mã Lạp, ở vùng Tây bắc Ấn Độ, trong một gia đình Bà La Môn mà thân phụ tên là Sonattara. Theo bản Hán dịch thì làng này thuộc nước Kế Tân (*Kashmir*). Ngài xuất gia thọ giáo với La hán Lâu Hán (*Rohana*), từng được bốn sư cho tháp tùng để học đạo và du hóa tại các Chùa trên núi Hy Mã Lạp Sơn. Tiếp theo Ngài được gửi đến thọ giáo với La hán Át Bá Nhựt (*Assagutta*) tại Chùa Hộ Tân (*Vattaniya*). Trong thời gian thọ giáo với La hán Át Bá Nhựt, nhân một thời pháp nói cho một lão tín nữ nghe, cả Ngài và lão tín nữ bỗng nhiên được pháp quả "*nhân tịnh*", và cả hai cùng chứng đắc sơ quả "*Đur lưu*" mà siêu phàm nhập Thánh. Sau đó, Ngài được La hán Át Bá Nhựt

Phái đoàn người Pháp ở Evry - Ettilles (91) ghé thăm chùa Khánh Anh Evry ngày 11/02/2016.

cho đông du, đến thọ giáo với **La hán Đạt Ma Ra Khi Ta** (*Dhammarakhita*) tại **Chùa A-Dục** (*Asokàrama*) ở thành **Hoa Thị** (*Pataliputra*). Ngài thông suốt Tam Tạng Thánh Giáo và chứng quả A La Hán tại đây. Từ đó, tiếng tăm lừng lẫy, Ngài đi giáo hóa khắp đó đây. Cuối cùng, Ngài dừng chân tại **Chùa San Khế Da** (*Sankkheyà*) ở thủ đô **Xá Kiệt** (*Sagala*) trong vùng thượng lưu **Ngũ Hà** (*Punjab*). Tại đây, Ngài gặp **Vua Di Lan Đà**, trước đó đã quy y với trưởng lão **Dã Hòa La** (*Ayupàla*) mà nhà Vua đã nhiều lần đến hỏi đạo và không mấy được thỏa mãn. Sự tương ngộ giữa **Di Lan Đà** và Ngài là đầu mối của **Kinh Milindapanhà** hay **Na Tiên Tỳ kheo Kinh**.

Kinh Milindapanhà tiếng Pali hay Na Tiên Tỳ kheo Kinh chữ Hán khá dài vì cuộc tham vấn của vua Menander với nhà sư Nagasena hay Tỳ kheo Na Tiên, có trên **240** câu vấn đáp.

Ở đây chúng ta sẽ chỉ xem 3 câu hỏi đầu, tiêu biểu cuộc đối thoại lý thú đầy hương vị giáo lý Nguyên Thủy, trích từ bản dịch của **Hòa Thượng Giác Nghiêm** (3) (*Maha Thera Thita Silo*) từ **Kinh Milindapanhà** tiếng Pali.

### a. Câu hỏi thứ nhất về Danh

Đức vua Mi-lan-đà sau khi đánh lễ Tăng chúng tám mươi ngàn vị cùng với đại đức Na-tiên, ngồi một nơi phải lễ, đức vua khởi chuyện :

- **Bạch đại đức, Trẫm muốn đàm luận với ngài vài điều được chăng ?**

Tỳ kheo Na-tiên đã quan sát vị vua hữu danh đã từng làm cho các tôn giáo điên đảo từ bấy lâu nay. Quả thật là không hư truyền, vì ngài chưa từng gặp một người có tướng mạo phi phạm như thế. Nhưng với thán đưng, thán trí và thán tuệ, ngài cảm thấy không khó khăn gì khi nhiếp phục đức vua này.

Khi nghe hỏi, Na-tiên tỳ kheo mỉm cười đáp :

- **Tâu đại vương, ngài cứ hỏi, bản tắng sẽ nghe.**

- **Bạch đại đức, trẫm hỏi rồi, ngài hãy nghe đi.**

- **Tâu đại vương, bản tắng nghe rồi, ngài hãy nói đi !**

- **Bạch đại đức, Trẫm hỏi rồi.**

- **Tâu đại vương, bản tắng đáp rồi.**

- **Ngài đáp như thế nào ?**

- **Đại vương hỏi như thế nào ?**

Chỉ vài câu vấn đáp khởi đầu, cử tọa thính chúng gồm tám mươi ngàn Tăng chúng, năm trăm tùy tùng của đức vua cùng với cận sự nam nữ đông đặc bên ngoài giảng đường... đều cảm thấy thú vị, họ cất tiếng hô "**lành thay !**" vang rền như sấm dội.

Đội cho không khí yên lặng, nhà vua hỏi tiếp :

- **Bạch đại đức, ngài tên gì ?**

- **Tâu đại vương ! Bản tắng tên là Na-tiên ! Thầy tổ, huynh đệ, pháp hữu của bản tắng cũng gọi tên bản tắng như thế. Còn cha mẹ của bản tắng không những gọi tên bản tắng là Na-tiên, mà đôi khi kêu là Viranasena, Surasena hoặc Sihasena ! Tuy nhiên, dù gọi tên gì đi nữa thì nó cũng chỉ là cái tên, cái tên suông, chẳng liên hệ gì đến bản tắng cả. Cái tên ấy chỉ để mà phân biệt giữa người này và người kia, thế thôi, chẳng có gì là "tôi" là "của tôi" như ngã chấp và tà kiến thế gian thường nhận lầm, tâu đại vương được rõ !**

Đức vua Mi-lan-đà ngạc nhiên, đưa tay lên, phân bua với mọi người xung quanh :

- **Xin tất cả các vị hãy làm chứng cho trẫm. Đại đức Na-tiên vừa nói rằng, cái tên Na-tiên là tên do cha mẹ đặt, các vị đồng phạm hạnh cũng gọi như thế, nhưng chẳng có cái gì là Na-tiên ở đấy, chẳng có gì là "tôi" và "của tôi" cả. Mọi người nghe rõ rồi đấy chứ ?**

Rồi quay sang tỳ kheo Na-tiên, đức vua phản vấn :

- **Bạch đại đức ! Nếu không có cái gọi là "ta" và "của ta" thì những người bố thí cúng dường y bát, vật thực, thuốc liêu, chỗ ở, thuốc chữa bệnh, vật dụng v.v... thì ai là người thọ nhận tứ sự ấy ? Ai trì giới ? Ai tham thiền ? Ai chứng ngộ đạo quả và Niết bàn ? Từ đó suy ra, những tội ác như sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói lời hư dối, uống rượu; cho chỉ những ngũ nghịch đại tội vô gián địa ngục, cũng chẳng có ai làm gì cả ! Và như vậy thì nghiệp lành, nghiệp ác cũng không, chẳng có ai tạo tội cả, lành dữ đều không có quả báo. Nếu thế có kẻ giết chết đại đức họ cũng không phạm tội giết người. Và thầy tiếp dẫn, thầy giáo thọ, hòa thượng tế độ cho đại đức cũng không có. Các vị đồng phạm hạnh gọi tên đại đức Na-tiên là gì đó cũng không có luôn. Vậy cái gọi là Na-tiên đó là ai ? Mong đại đức giảng giải cho trẫm. Đại đức nghe rõ rồi đấy chứ.**

- **Tâu đại vương ! Bản tắng nghe rõ rồi !**

- **Người nghe đó có phải là Na-tiên chăng ?**

- **Tâu, không phải.**

- **Chẳng có gì là Na-tiên cả sao ?**

- **Vâng, chính thế !**

- **Tóc, lông, móng, răng da... kia là Na-tiên sao ?**

- **Tâu, đại vương, không phải.**

- **Thịt, tủy, gân, xương là Na-tiên chăng ?**

- **Thưa, không phải !**

- **Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Na-tiên chăng ?**

- **Tâu, Đại vương, không phải.**

- **Hay lục căn : nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là Na-tiên ?**

- **Tâu, không phải thế.**

- **Vậy ngũ uẩn hợp lại là Na-tiên ?**

- **Tâu, cũng chưa chắc là vậy.**

Đến ngang đây chợt đức vua Milan-đà cất giọng nói lớn :

- **Bạch đại đức ! Hồi nãy giờ trẫm đã căn cứ hỏi về ba mươi hai thể trước, lục căn, ngũ uẩn v.v... có phải là Na-tiên chăng, tất thấy đều bị đại đức phủ nhận. Và quả thật, trẫm cũng công nhận như thế. Vì khi quán tưởng một cách tận tường từng phần được nêu ra trong câu hỏi, thì chẳng có cái gì được gọi là Na-tiên cả. Thế tại sao, trước đây khi trẫm hỏi, đại đức bảo đại đức là Na-tiên ? Té ra là đại đức nói dối ! Nay, năm trăm tùy tùng thân tín của trẫm và tám mươi ngàn Tăng chúng tỳ kheo, xin quý vị hãy làm chứng cho trẫm đấy nhé !**

Đại đức Na-tiên là một Thánh nhân A-la-hán đặc thần thông và đặc cả 4 tuệ phân tích : tuệ về nhân, tuệ về quả, tuệ văn tự, ngũ nghĩa, tuệ biện tài, biện luận. Tâm ngài như đỉnh núi chúa, trí ngài như mặt trời, mặt trăng, lòng từ của ngài bao la như biển lớn. Do vậy, ngài độ lượng với đức vua Mi-lan-đà như mẹ đối với con; với tâm nguyện là phải nhiếp phục đức vua, tế độ đức vua, đặt đức vua trong Chánh đạo; nên dù đức vua có nói gì ngài cũng chỉ ngồi làm thinh và mở rộng lòng từ.

Để cho ngoạn khí và sự xao động trong tâm trí đức vua yên lặng lại một chút, đại đức Na-tiên mới chậm rãi nói :

- **Tâu đại vương ! Ngài là một bậc đế vương nhiều phước báu và nhiều an vui, thánng ngày sống trong hạnh phúc cao sang. Nhưng vì tâm cầu đạo, ngài chẳng quản đường xa, đến đây giữa con nắng nóng oi bức nên có lẽ ngọc thể cũng bất an. Lại nữa, từ hoàng cung đến đây mà sao đại vương không đi bằng xe mà lại đi bằng chân cho mệt ?**

- **Bạch đại đức ! Trẫm đến chùa bằng xe chứ ! Chỉ đi bộ từ cổng, nhưng vào giảng đường mới đi bằng chân không !**

- Thế ra đại vương tới đây bằng xe.
- Vâng, trẫm đến bằng xe.

Đại đức Na-tiên giờ cũng làm như cách của vua Mi-lan-đà, phân bua với mọi người :

- Năm trăm tùy tùng quan chức, thị vệ của đức vua và tám mươi ngàn chư tỳ kheo đại chúng hãy xác nhận cho : đức vua đã nói rằng ngài đến đây bằng xe !

Rồi quay sang đức vua, ngài Na-tiên hỏi lại :

- Đại vương bảo rằng đại vương đến đây bằng xe, đây là lời nói thật chứ ?

- Chắc chắn là thật.

- Vậy đại vương hãy nói cho rõ về cái xe ấy ! Cái gì gọi là xe ? Cái gọng chông ?

- Không phải.

- Hay cái trục, cái bánh là xe ?

- Cũng không phải.

- Cái thùng, cái mui là xe chăng ?

- Chẳng phải đâu.

- Hoặc roi, dây cương là xe ?

- Chẳng phải.

- Thế chắc cái ách, cựa xe ?

- Không phải nốt.

- Vậy cái gì là xe ?

Đức vua Mi-lan-đà im lặng.

Đại đức Na-tiên cất giọng chậm rãi :

- Từng bộ phận một, và hỏi rằng cái gì là xe thì đều bị đại vương phủ nhận. Mà quả thật, bần tăng cũng thấy vậy, chẳng có cái gì được gọi là xe trong tất cả các bộ phận chi tiết ấy. Tuy nhiên, đại vương là vị hoàng đế cao cả, là đấng nhân chủ, là bậc anh minh cai quản một quốc độ mệnh mông; quả thật là không thích đáng khi đại vương nói dối rằng, ngài đến đây bằng xe ! Xin tất cả chư vị và Chư Tăng đại chúng ở đây hãy làm chứng cho !

Mọi người không ngớt lời tán dương ca ngợi biện tài của đại đức Na-tiên. Riêng năm trăm người tùy tùng thì cung thỉnh đức vua tìm cách luận thắng đối phương.

Sau một hồi làm thỉnh, đức vua Mi-lan-đà nói :

- Đại đức biện luận hay lắm ! Nhưng mà hãy nghe trẫm nói đây ! Tất cả những bộ phận chi tiết như thùng, mui, cựa, bánh, trục v.v... nếu nằm riêng lẻ thì không thể gọi là xe, nhưng chúng kết hợp toàn bộ lại thì giả danh gọi là xe, có phải thế chăng ? Vậy trẫm bảo rằng, trẫm đến đây bằng xe đâu phải lời nói dối ?

- Tàu đại vương ! Cũng thế, tất cả những cái gọi là tóc, lông, móng, răng, da, ngũ uẩn, lục căn... nếu chúng nằm riêng lẻ thì làm sao được gọi là Na-tiên? Nhưng nếu được kết hợp lại thì giả danh gọi là Na-tiên ! Bần tăng nói rằng, bần tăng tên là Na-tiên thì đâu phải lời nói dối ?

Nghe đến đây, đức vua Mi-lan-đà vô cùng thích thú, hết lòng tán thán đại đức Na-tiên :

- Hay lắm ! Hôm nay, lần đầu tiên trong đời cái lỗ tai của trẫm rất là hoan hỷ, đại đức có biết thế chăng ?

Cả đại giảng đường vang lên tiếng "lành thay, lành thay" làm chấn động cả kinh đô Sàgala.

**b. Câu hỏi thứ Hai về con số Hạ Lạp.**

Để cho không khí im lắng lại một lúc, đức vua hỏi tiếp :

- Đại đức năm nay được bao nhiêu hạ Lạp rồi ?

- Thưa, bần tăng tu mới được bảy hạ.

- Con số 7 ấy là đếm luôn cả đại đức vào trong, hay là chỉ đếm cái hạ không thôi ? Con số 7 ấy là con số của đại đức hay con số của hạ ?

Khi ấy, đức vua đang mặc y phục

vương giả với những đồ trang sức quý báu, cái bóng sáng rõ của ngài rọi vào trong chai đựng nước ai cũng trông thấy rõ ràng. Đại đức Na-tiên đưa tay chỉ, rồi hỏi ngược lại rằng :

- Tàu đại vương ! Cái bóng với đồ trang sức rực rỡ trong chai nước kia là đại vương, hay người đang đối thoại với bần tăng đây là đại vương ?

- Trẫm đây mới thật là trẫm, còn cái bóng kia nương nơi trẫm mà có. Nó có là bởi trẫm.

- Cũng thế, tàu đại vương ! Số 7 kia là số hạ Lạp chứ không phải bần tăng, nhưng nó có được là do nương gá nơi bần tăng. Nó có là bởi bần tăng.

- Hay lắm ! Quả thật đúng như vậy ! Cục đá quăng qua thì cục chì ném lại. Thật thú vị làm sao !

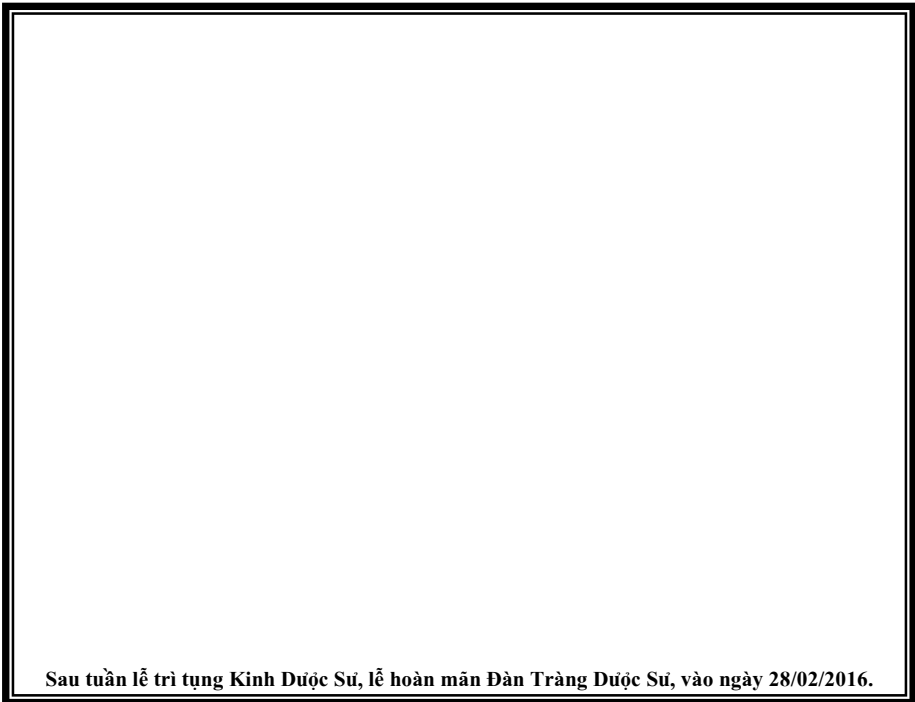
**c. Câu hỏi thứ Ba : Đàm thoại như một Trí giả hay như một Vương giả ?**

Sau hai câu hỏi mở đầu, đức vua biết là gặp được bậc trí tuệ, nên ngài muốn đi sâu vào giáo pháp, bèn ướm lời :

- Bạch đại đức ! Trẫm rất thích đàm đạo với đại đức về nhiều vấn đề khác nữa, nhưng không rõ đại đức có hoan hỷ không ?

- Tàu đại vương ! Cái đó còn tùy thuộc nơi đại vương ! Nếu đại vương đàm thoại mà lấy tư cách một Trí giả (Panditavàda), thì bần tăng sẵn sàng hầu đáp. Nhưng nếu đại vương đứng trên tư cách mình là bậc Vương giả (Rajavàda), thì xin thưa thẳng, bần tăng sẽ không thể hầu đối được.

- Tư cách một Trí giả là như thế nào?



- *Tâu đại vương ! Phàm là Trí giả nói chuyện với nhau, bao giờ cũng nói lời ngay thật, muốn trao đổi hiểu biết, soi sáng hiểu biết cho nhau. Trong câu chuyện, nếu có những lý lẽ đưa ra, dù đúng, dù sai, dù cao, dù thấp, dù phải, dù trái v.v... các bậc Trí giả không bao giờ vì thế mà phiền lòng hay nóng giận. Họ tôn trọng nhau, dù ý kiến, tư tưởng có bất đồng chẳng nữa. Thắng, bại không hề làm cho họ chau mày, mà chính chân lý, sự thật mới thuyết phục được họ. Nếu gặp phải đối phương là tay lợi trí, lợi khẩu, hùng biện đại tài, bậc Trí giả không vì thế mà tìm cách cản ngăn, áp chế, bắt ngừng nói, đuổi ra khỏi chỗ ngồi; hoặc luôn leo dưng những xảo thuật miệng lưỡi, ngụy biện nhằm tranh thắng cho kỳ được ! Đấy là cốt cách, phong thái đầy hiểu biết của bậc Trí giả, tâu đại vương !*

Đức vua gật đầu mỉm cười :

- *Đúng bậc Trí giả là vậy ! Còn tư cách của bậc Vương giả là thế nào, thưa đại đức ?*

- *Tâu đại vương ! Bậc Vương giả vì quen sống trong quyền lực, nhất hô bá ứng, nên khi đối thoại thường quen áp đảo, bắt buộc kẻ khác chấp thuận quan điểm của mình. Nếu có ai đó nói một câu không vừa ý, hoặc đối nghịch với tư kiến của mình; bậc vương giả sẽ không hài lòng, sẵn sàng dùng quyền uy của mình mà bắt tội, chẳng dựa vào lẽ phải và công bằng. Những cuộc nói chuyện như thế rồi chẳng đi đến đâu, vì thái độ và lối xử sự của các bậc Vương giả đã tự ngăn chặn con đường về với sự thật, đốt cháy mối cảm thông và cắt đứt sự hiểu biết. Đối thoại trong tư thế bậc Vương giả thường rơi vào một chiều, phiến diện và ngộ cụt như vậy đấy, tâu đại vương !*

Đức vua Mi-lan-đà lại gật đầu nữa:

- *Hay lắm, thưa đại đức, trăm đã hiểu rõ rồi. Trăm chẳng thích cách nói chuyện của người Vương giả, trái lại, trăm sẽ cố gắng xem mình là người Trí giả để hầu chuyện với đại đức. Khi đối thoại, đại đức hãy quên cái hào nhoáng cao sang bên ngoài của trăm đi, mà hãy tiếp xúc với chính con người của trăm thôi. Đại đức cứ nói chuyện một cách tự nhiên, bình thường như đại đức nói chuyện với chư tỳ kheo, tỳ kheo ni, sa di, sa di ni, cận sự nam, nữ v.v...; thậm chí như nói chuyện với người hộ tự, người quét rác, người nấu ăn trong ngôi chùa này cũng được vậy, trăm không bắt lỗi gì đâu !*

- *Tâu đại vương ! Ngài đã phán những lời rất cao quý, rất hay, rất đúng đắn, đúng là lời của một bậc minh quân vĩ đại nhất trên thế gian. Bàn tăng rất khâm phục, và bàn tăng sẽ rất hoan hỷ, thoả mái để hầu chuyện với Đại vương như là một bậc Trí giả.*

- *Vậy đại đức hãy nghe Trăm hỏi.*

- *Tâu, xin ngài cứ hỏi đi ?*

- *Bạch, trăm đã hỏi xong rồi.*

- *Thưa, bàn tăng đã đáp rồi.*

- *Đại đức đáp như thế nào ?*

- *Đại vương hỏi như thế nào ?*

Đức vua Mi-lan-đà vì vui thích mà thử trí tuệ của đại đức Na-tiên đó thôi, các câu hỏi này chỉ lặp lại, nhưng giảng đường thì mọi người hoan hô, tán thán vang rân.

Đến đây đức vua bảo viên đại thần Devamantiya đến đánh lễ đại đức Na-tiên và xin mời ngài vào hoàng cung ngày mai.

\*\*\*

Đến cuối đời vua Menander, trong nước không được yên. Nhà vua lại phải đem quân đi đánh giặc. Menander đã bị chết trong một cuộc hành quân. Cái chết của nhà vua đã đem lại tiếc thương của cả nước. Theo Plutarch, sử gia Hy-Lạp, các bộ lạc trong nước tranh nhau dành ngọc xá lợi của nhà vua sau khi được hỏa táng.

Sau triều đại Menander, nhiều thế hệ con cháu người Hy-Lạp tiếp tục cai trị vùng đất vương quốc của Menander. Vương quốc này trở nên suy yếu, ảnh hưởng của văn minh Ấn-Độ ngày một gia tăng, trong khi những gì là giá trị Hy-Lạp nhạt dần trong xã hội. Sang đến cuối thế kỷ thứ 2 sau Tây Lịch, nghĩa là 350 năm sau vua Menander băng hà thì người ta không còn thấy một cộng đồng Hy-Lạp đáng kể nào nữa.

## 5. Di Tích của người Hy-Lạp tại Ấn-Độ

Người Hy-Lạp đã để lại những gì sau cuộc gặp gỡ Đông Tây suốt trong chiều dài lịch sử, bắt đầu từ cuộc chinh phạt Đông tiến của vua A-Lịch-Son Đại-Đế ?

Nhiều người Hy-Lạp đã trở thành Phật Tử. Dù cho đến 500 năm sau khi Đức Phật Thích Ca thành đạo, người Ấn-Độ đã không hình dung ra được Đức Phật như là một thực thể con người. Kinh Phật chỉ chép lại Ngài có 32 tướng tốt với 80 vẻ đẹp. Trong các trụ đá, các hang động, hình tượng về Đức Phật chỉ là những bánh xe Pháp Luân, gốc cây Bồ Đề, hay cùng lắm là những vết chân mà người ta nghĩ là của Đức Phật.

Hy-Lạp, ngay từ thế kỷ thứ 5, thứ 6 trước Tây Lịch, đã có một nền văn

minh khá cao, được các sử gia coi là nền văn minh cơ bản cho học thuật và văn hóa Tây phương, ảnh hưởng nhiều đến văn hóa La Mã và Âu Châu. Hy-Lạp đã có những nhà điêu khắc, đắp tượng rất giỏi mà tác phẩm còn lưu truyền mãi đến bây giờ tại các viện bảo tàng danh tiếng trên thế giới.

Không được trực tiếp nhìn Đức Phật, nghệ nhân Hy-Lạp đã tạc tượng Đức Phật như là một vị thần, đẹp trai, khỏe mạnh, thần Apollo, vị thần của ánh sáng, của trí tuệ. Những tượng đó, tóc xoắn, tai dài, vóc dáng Tây phương, lần lần trở thành những tượng Phật trong các chùa chiền tại nhiều nước ngày nay.

Tài liệu tham khảo :

a) *The awakening of the West- the Encounter of Buddhism and Western Culture của Stephen Batchlor*

b) *Nghiên Cứu Phật Học. Triết học Phật giáo - Kinh Na tiên Tỳ kheo viết bởi Cao Hữ Đính*

c) *Bud dha Sasana - Mi Tiên Vấn Đáp (Milinda Panhà) - Dịch Giả Hòa Thượng Giới Nghiêm*

1) *Macedonia là một đế quốc Hy-Lạp rộng lớn ngự trị bởi vua Phillip II. Sau khi Phillip II bị ám sát chết, con là A-Lịch-Son (Alexander) lên nối ngôi, tức hiệu là Đại-Đế Hy-Lạp. Đến năm 148 trước Tây Lịch thì bị La Mã (Ý Đại Lợi) xâm chiếm và cai trị.*

2) *Hòa Thượng Thích Trí Thủ, thế danh Nguyễn Văn Kính, sinh năm 1909, mất năm 1984, 76 tuổi đời, 56 tuổi đạo, là một cao tăng thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Ngài đã xuất gia thọ giới năm 17 tuổi với Hoà Thượng Viên Thành, chùa Trà Am, Huế. Năm Ngài 20 tuổi (1929), được Bổn sư cho vào thọ giới Cụ Túc (Tỳ Kheo) tại Đại giới đàn chùa Từ Vân ở Đà Nẵng. Ngài đã dẫn đầu nhiều phái đoàn đại biểu Phật giáo Việt Nam tham dự Đại hội Phật Giáo Quốc Tế.*

3) *Hòa thượng Giới Nghiêm (Thitasilamahathera), thế danh Nguyễn Đình Trấn, sinh ngày 5/5/1921 tại làng Giạ Lê Thượng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ngài xuất thân trong một gia đình có truyền thống đạo đức lâu đời, tại một quê hương nghèo khổ, nhưng lại phát tích rất nhiều tu sĩ và cao tăng thuộc cả hai truyền thừa Nam Bắc tôn. Chỉ riêng trong gia đình, bác của Ngài - Hòa thượng Thích Phước Duyên - và chú của Ngài đều là bậc xuất gia. Còn vị thân sinh - Hòa thượng Thích Quang Diệu (Nguyễn Đình Tãi) - sau nửa cuộc đời lập gia đình với mẹ của Ngài là cụ bà Huỳnh Thị Thành, cũng xuất gia, sống đời phạm hạnh.*

**Rudyard Kipling - Đào Viên**